

BỘ CHỈ TIÊU TỈNH CÔNG NGHIỆP HIỆN ĐẠI VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN

*ThS. Nguyễn Huy Lương**

Tóm tắt:

Thực hiện Nghị quyết Đại hội XII của Đảng, nhiều tỉnh, thành phố đề ra mục tiêu phấn đấu muộn nhất đến năm 2030 xây dựng tỉnh, thành phố trở thành hoặc cơ bản trở thành tỉnh, thành phố công nghiệp theo hướng hiện đại (tỉnh CNHD). Để giúp các tỉnh có căn cứ đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu nêu trên, bài viết này đề xuất Bộ Chỉ tiêu tỉnh CNHD, phương pháp đánh giá kết quả thực hiện, trình độ công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH) hàng năm của một tỉnh.

Để xác định được vị trí hiện tại của tỉnh trong tiến trình CNH, HĐH và để có thể so sánh biết được tương quan giữa các tỉnh về trình độ CNH, HĐH cùng thời điểm, cần thiết phải có Bộ chỉ tiêu chuẩn của tỉnh CNHD mà các tỉnh cần đạt được với phương pháp đánh giá khách quan, khoa học. Trong bài viết này, tác giả áp dụng châm điểm cho Bộ chỉ tiêu. Điểm số phản ánh tổng hợp trình độ CNH, HĐH chung của một tỉnh được xác định bằng cách cho điểm và theo hai phương pháp sau:

1. Phương pháp tính điểm trên cơ sở tổng hợp điểm trực tiếp của từng chỉ tiêu và các trọng số cấp 3 tương ứng (Phương pháp tính điểm trực tiếp hay Một bước)

Theo Phương pháp trực tiếp, việc xác định điểm phản ánh tổng hợp trình độ CNH, HĐH chung của một tỉnh (D) được tổng hợp trực tiếp từ điểm của từng chỉ tiêu và các trọng số cấp 3 (*Qui ước: Trọng số cấp 3 là trọng số tương ứng với mức độ quan trọng của chỉ tiêu trong Bộ chỉ tiêu; trọng số cấp 2 là trọng số tương ứng với mức độ quan trọng của chỉ tiêu trong nhóm chỉ tiêu; trọng số*

cấp 1 là trọng số tương ứng với mức độ của nhóm chỉ tiêu trong ba nhóm chỉ tiêu). Các trọng số cấp 3 tương ứng với từng chỉ tiêu trong bộ chỉ tiêu theo công thức sau:

$$D = \sum_{i=1}^{12} T_i \times D_i$$

Trong đó:

+ D_i là số điểm đạt được của chỉ tiêu thứ i .

Giá trị của D_i nêu ở Mục 3 bài viết này.

+ T_i là trọng số cấp 3 của chỉ tiêu thứ i .

Bảng 1: Bộ chỉ tiêu tỉnh CNHD và các trọng số cấp 3 (T_i)

Chỉ tiêu	Chuẩn tỉnh CNHD	Trọng số (T_i)
1. GRDP bình quân đầu người (USD theo tỷ giá hối đoái)	≥ 5.000	0,20
2. Tỷ trọng giá trị tăng thêm ngành nông nghiệp (VA_{NN})	$< 20\%$	0,10
3. Tỷ lệ đô thị hóa	$> 40\%$	0,10
4. Tỷ lệ xã đạt tiêu chuẩn xã nông thôn mới	$> 50\%$	0,10
5. Tỷ trọng lao động nông nghiệp	$< 40\%$	0,07

* Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh Phú Thọ

6. Chỉ số phát triển con người (HDI)	> 0,82	0,07
7. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (đã có chứng chỉ trở lên)	> 60%	0,05
8. Tỷ lệ hộ nghèo	< 5%	0,03
9. Số bác sĩ trên 1 vạn dân	> 10	0,03
10. Tỷ lệ diện tích đất có rừng so với diện tích đất lâm nghiệp	100%	0,15
11. Tỷ lệ dân số thành thị được sử dụng nước sạch	100%	0,05
12. Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh	100%	0,05
Tổng số	-	1,00

Nguồn: Tác giả đề xuất

2. Phương pháp tính điểm trên cơ sở tổng hợp điểm số của từng nhóm chỉ tiêu và các trọng số cấp 2 tương ứng (Phương pháp tính điểm gián tiếp hay Hai bước)

Phương pháp gián tiếp, việc xác định điểm phản ánh tổng hợp trình độ CNH, HĐH chung của một tỉnh thông qua điểm của 03 nhóm chỉ tiêu: Kinh tế, xã hội và môi trường theo hai bước:

a) *Bước 1:* Xác định điểm số của từng nhóm chỉ tiêu

- Điểm số của nhóm chỉ tiêu kinh tế (D_{KT}) được xác định thông qua điểm của từng chỉ tiêu và trọng số cấp 2 tương ứng với từng chỉ tiêu trong nhóm chỉ tiêu về kinh tế theo công thức:

$$D_{KT} = \sum_{j=1}^4 T_j \times D_j$$

Trong đó:

D_j : Điểm số của chỉ tiêu kinh tế thứ j;

T_j : Trọng số cấp 2 của chỉ tiêu kinh tế thứ j.

Bảng 2: Trọng số cấp 2 của nhóm chỉ tiêu về kinh tế

Chỉ tiêu	Chuẩn tỉnh CNHĐ	Trọng số (T_j)
1. GRDP bình quân đầu người (USD theo tỷ giá hối đoái)	≥ 5.000	0,40
2. Tỷ trọng giá trị tăng thêm ngành nông nghiệp (VA_{NN})	< 20%	0,20
3. Tỷ lệ đô thị hóa	> 40%	0,20
4. Tỷ lệ xã đạt tiêu chuẩn xã nông thôn mới	> 50%	0,20
Tổng số	-	1,00

Nguồn: Tác giả đề xuất

- Điểm số của nhóm chỉ tiêu về xã hội (D_{XH}) được tính thông qua điểm của từng chỉ tiêu và trọng số cấp 2 tương ứng với từng chỉ tiêu trong nhóm chỉ tiêu về xã hội theo công thức:

$$D_{XH} = \sum_{k=1}^5 T_k \times D_k$$

Trong đó:

D_k : Điểm số của chỉ tiêu xã hội thứ k.

T_k : Trọng số cấp 2 của chỉ tiêu xã hội thứ k.

Bảng 3: Trọng số cấp 2 của nhóm chỉ tiêu về xã hội

Chỉ tiêu	Chuẩn tỉnh CNHĐ	Trọng số (T_k)
1. Tỷ trọng lao động nông nghiệp	< 40%	0,28
2. Chỉ số phát triển con người (HDI)	> 0,82	0,28
3. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (đã có chứng chỉ trở lên)	> 60%	0,20
4. Tỷ lệ hộ nghèo	< 5%	0,12
5. Số bác sĩ trên 1 vạn dân	> 10	0,12
Tổng số	-	1,00

Nguồn: Tác giả đề xuất

- Điểm số của nhóm chỉ tiêu môi trường (D_{MT}) được tính thông qua điểm của từng chỉ tiêu và các trọng số cấp 2 tương ứng với từng chỉ tiêu trong nhóm chỉ tiêu môi trường theo công thức:

$$D_{MT} = \sum_{l=1}^3 T_l \times D_l$$

Trong đó:

D_l : Điểm số của chỉ tiêu môi trường thứ l .

T_l : Trọng số cấp 2 của chỉ tiêu môi trường thứ l .

Bảng 4: Trọng số cấp 2 của nhóm chỉ tiêu về môi trường

Chỉ tiêu	Chuẩn tỉnh CNHĐ	Trọng số (T_l)
1. Tỷ lệ diện tích đất có rừng so với diện tích đất lâm nghiệp	100%	0,60
2. Tỷ lệ dân số thành thị được sử dụng nước sạch	100%	0,20
3. Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh	100%	0,20
Tổng số	-	1,00

Nguồn: Tác giả đề xuất

b) *Bước 2:* Xác định điểm phản ánh tổng hợp trình độ CNH, HĐH chung của một tỉnh (D) thông qua điểm của từng nhóm và các trọng số cấp 1 tương ứng theo công thức sau:

$$D = a \times D_{KT} + b \times D_{XH} + c \times D_{MT}$$

Trong đó:

+ $a = 0,5$: Trọng số cấp 1 của nhóm chỉ tiêu về kinh tế;

+ $b = 0,25$: Trọng số cấp 1 của nhóm chỉ tiêu về xã hội;

+ $c = 0,25$: Trọng số cấp 1 của nhóm chỉ tiêu về môi trường.

3. Thang điểm và phương pháp tính điểm từng chỉ tiêu

3.1. Thang điểm

a) Đối với phương pháp trực tiếp

+ Điểm phản ánh tổng hợp trình độ CNH, HĐH của một tỉnh tối đa là 100 điểm (mức đạt tỉnh CNHĐ).

+ Điểm tối đa của mỗi chỉ tiêu là 100 điểm.

b) Đối với phương pháp gián tiếp

+ Điểm phản ánh tổng hợp trình độ CNH, HĐH của một tỉnh tối đa là 100 điểm (mức đạt tỉnh CNHĐ). Trong đó: Lĩnh vực kinh tế tối đa là 50 điểm (mức đạt chuẩn về kinh tế); lĩnh vực xã hội tối đa là 25 điểm (mức đạt chuẩn về xã hội); lĩnh vực môi trường tối đa là 25 điểm (mức đạt chuẩn về môi trường).

+ Điểm tối đa của mỗi chỉ tiêu là 100 điểm.

3.2. Phương pháp tính điểm từng chỉ tiêu

Gọi D_i ($i = 1, 2, 3, \dots, 12$) là số điểm đạt được tại thời điểm cuối năm t của chỉ tiêu thứ i của một tỉnh.

a) Đối với 9 chỉ tiêu (1, 3, 4, 6, 7, 9, 10, 11 và 12) được tính toán theo tỷ lệ phần trăm (%) trong *Bộ chỉ tiêu cơ bản của tỉnh CNHĐ đến năm 2030* (trừ ba chỉ tiêu 2, 5 và 8 được quy định tại mục (b) dưới đây): Việc tính điểm của từng chỉ tiêu tại một thời điểm căn cứ vào kết quả đạt được thực tế của chỉ tiêu tại thời điểm đó so với giá trị cần đạt (chuẩn) của chỉ tiêu. Điểm của các chỉ tiêu này được tính theo công thức sau:

$D_i = \text{Kết quả thực hiện chỉ tiêu thứ } i \text{ của tỉnh} \times 100$

b) Đối với ba chỉ tiêu 2, 5 và 8 có tương quan nghịch với kết quả thực hiện, nghĩa là giá trị

của chỉ tiêu đạt càng cao thì số điểm tương ứng càng thấp và điểm tối đa là 100 đối với chỉ tiêu 2, 5, 8; theo đó các chỉ tiêu này để đạt được điểm theo quy định trong *Bộ chỉ tiêu cơ bản của tỉnh CNHD đến năm 2030* sẽ áp dụng các công thức sau:

- Số điểm của chỉ tiêu 2 (tỷ trọng VA ngành nông nghiệp so với tổng VA toàn tỉnh, dưới 20%) được tính theo công thức:

$$D_2 = \left(100 - \frac{VA \text{ nông nghiệp} \times 100}{VA \text{ toàn tỉnh}}\right) \times 1,25^{(1)}$$

- Số điểm của chỉ tiêu 5 (tỷ lệ lao động đang làm việc trong ngành nông nghiệp so với tổng số lao động đang làm việc trên địa bàn tỉnh dưới

40%) được tính theo công thức:

$$D_5 = \left(100 - \frac{Lao \text{ động nông nghiệp} \times 100}{\text{Tổng số lao động}}\right) \times 1,667^{(1)}$$

- Số điểm của chỉ tiêu 8 (Tỷ lệ hộ nghèo dưới 5%) được tính theo công thức:

$$D_8 = (100 - \text{Tỷ lệ hộ nghèo}) \times 1,053^{(1)}$$

4. Ví dụ

Để độc giả dễ hình dung hai phương pháp (nêu trên), tác giả bài viết đưa ra ví dụ tại hai tỉnh A và tỉnh B đạt được kết quả về CNH, HĐH năm 2015 như sau:

Bảng 5: Kết quả thực hiện CNH, HĐH năm 2015 của tỉnh A và tỉnh B

Chỉ tiêu	Chuẩn tỉnh CNHD	Tỉnh A		Tỉnh B	
		Kết quả	Điểm (D _i)	Kết quả	Điểm (D _i)
1. GRDP bình quân đầu người (USD theo tỷ giá hối đoái)	≥ 5.000	3.000	60	3.500	70
2. Tỷ trọng Giá trị tăng thêm nông nghiệp (%)	< 20	30,00	87,5	25,00	93,75
3. Tỷ lệ đô thị hóa (%)	> 40	22,0	55	24,0	60
4. Tỷ lệ xã đạt tiêu chuẩn xã nông thôn mới (%)	> 50	20,0	40	25,0	50
5. Tỷ trọng lao động nông nghiệp (%)	< 40	58,01	70	52,01	80
6. Chỉ số phát triển con người (HDI)	> 0,82	0,574	70	0,656	80
7. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đã có chứng chỉ trở lên (%)	> 60	18,0	30	24,0	40
8. Tỷ lệ hộ nghèo (%)	< 5	43,02	60	33,52	70
9. Số bác sĩ trên 1 vạn dân (Bác sĩ)	> 10	8,0	80	9,0	90
10. Tỷ lệ diện tích đất có rừng so với diện tích đất lâm nghiệp (%)	100	80,0	80	90,0	90
11. Tỷ lệ dân số thành thị được sử dụng nước sạch (%)	100	90,0	90	90,0	90
12. Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh (%)	100	90,0	80	90,0	90

Nguồn: Số liệu từ tác giả

⁽¹⁾ Trong đó: 1,25=100/80; 1,667=100/60; 1,053=100/95.

Theo ví dụ trên, việc xác định điểm số phản ánh tổng hợp trình độ CNH, HĐH của tỉnh A và tỉnh B được áp dụng theo một trong hai phương pháp sau:

a) *Áp dụng phương pháp trực tiếp*

Bảng 6: Trình độ CNH, HĐH của hai tỉnh A và tỉnh B năm 2015

Chỉ tiêu	Chuẩn tỉnh CNHĐ	Trọng số (T _i)	Tỉnh A		Tỉnh B	
			D _i	(D _i x T _i)	D _i	(D _i x T _i)
A	1	2	3	4=2 x 3	5	6=2 x 5
1. GRDP bình quân đầu người (USD theo tỷ giá hối đoái)	≥ 5.000	0,20	60	12,0	70	14,0
2. Tỷ trọng giá trị thực tế nông nghiệp (VA _{NN}) (%)	< 20	0,10	87,5	8,75	93,75	9,37
3. Tỷ lệ đô thị hóa (%)	> 40	0,10	55	5,5	60	6,0
4. Tỷ lệ xã đạt tiêu chuẩn xã nông thôn mới (%)	> 50	0,10	40	4,0	50	5,0
5. Tỷ trọng lao động nông nghiệp (%)	< 40	0,07	70	4,9	80	5,6
6. Chỉ số phát triển con người (HDI)	> 0,82	0,07	70	4,9	80	5,6
7. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đã có chứng chỉ trở lên (%)	> 60	0,05	30	1,5	40	2,0
8. Tỷ lệ hộ nghèo (%)	< 5	0,03	60	1,8	70	2,1
9. Số bác sĩ trên 1 vạn dân (Bác sĩ)	> 10	0,03	80	2,4	90	2,7
10. Tỷ lệ diện tích đất có rừng so với diện tích đất lâm nghiệp (%)	100	0,15	80	12,0	90	13,5
11. Tỷ lệ dân số thành thị được sử dụng nước sạch (%)	100	0,05	90	4,5	90	4,5
12. Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh (%)	100	0,05	80	4,0	90	4,5
Tổng số	-	-	-	66,25	-	74,87

Nguồn: Tác giả tính toán từ số liệu ví dụ Bảng 5

b) *Áp dụng phương pháp gián tiếp*

* Bước 1: Xác định điểm của từng lĩnh vực của từng tỉnh

Điểm đạt được về lĩnh vực kinh tế của tỉnh A (D_{KT}(A)):

$$D_{KT}(A) = (0,4 \times 60) + (0,2 \times 87,5) + (0,2 \times 55) + (0,2 \times 40) = 60,5$$

Điểm đạt được về lĩnh vực xã hội của tỉnh A

(D_{XH}(A)):

$$D_{XH}(A) = (0,28 \times 70) + (0,28 \times 70) + (0,2 \times 30) + (0,12 \times 60) + (0,12 \times 80) = 62,0$$

Điểm đạt được về lĩnh vực môi trường của tỉnh A (D_{MT}(A)):

$$D_{MT}(A) = (0,6 \times 80) + (0,2 \times 90) + (0,2 \times 80) = 82,0$$

Tính tương tự như tỉnh A, điểm đạt được về từng lĩnh vực của tỉnh B năm 2015 lần lượt là: $D_{KT}(B) = 68,75$; $D_{XH}(B) = 72,0$; $D_{MT}(B) = 90,0$

* Bước 2: Tính điểm phản ánh tổng hợp trình độ CNH, HĐH của từng tỉnh:

$$\text{Điểm số phản ánh tổng hợp trình độ CNH, HĐH của tỉnh A: } D(A) = (0,5 \times D_{KT}(A)) + (0,25 \times D_{XH}(A)) + (0,25 \times D_{MT}(A)) = 66,25$$

$$\text{Điểm số phản ánh tổng hợp trình độ CNH, HĐH của tỉnh B: } D(B) = (0,5 \times D_{KT}(B)) + (0,25 \times D_{XH}(B)) + (0,25 \times D_{MT}(B)) = 74,87$$

Như vậy, áp dụng hai phương pháp tính điểm trên đây đều cho kết quả giống nhau: Đến cuối năm 2015 tỉnh A đã thực hiện CNH, HĐH đạt 66,25/100 điểm, tỉnh B đạt 74,87/100 điểm. Tức là, trình độ CNH, HĐH chung của tỉnh A đạt 66,25 điểm, của tỉnh B đạt 74,87 điểm (cao hơn tỉnh A 8,62 điểm).

Để trở thành tỉnh CNHĐ theo chuẩn đề xuất, cả hai tỉnh đều phải tập trung đẩy mạnh thực hiện tất cả các chỉ tiêu, trong đó cần ưu tiên tập trung phát triển nguồn nhân lực và xây dựng nông thôn mới (so với chuẩn tương ứng của từng chỉ tiêu, tỉnh A mới đạt 30 và 40 điểm, tỉnh B mới đạt tương ứng 50 và 40 điểm). Các chỉ tiêu khác cả hai tỉnh đã đạt từ 55 đến 90 điểm, chưa có chỉ tiêu nào hoàn thành so với chuẩn tỉnh CNHĐ đề xuất.

Áp dụng tính điểm theo phương pháp 2 còn cho biết kết quả CNH, HĐH của từng tỉnh theo từng lĩnh vực:

- Về kinh tế: tỉnh A đạt 60,5 điểm, tỉnh B đạt 68,75 điểm (cao hơn tỉnh A 8,25 điểm).

- Về xã hội: tỉnh A đạt 62,0 điểm, tỉnh B đạt 72,0 điểm (cao hơn tỉnh A 10,0 điểm).

- Về môi trường: tỉnh A đạt 82,0 điểm, tỉnh B đạt 90,0 điểm (cao hơn tỉnh A 8,0 điểm).

Tóm lại, Bộ chỉ tiêu cơ bản của tỉnh CNHĐ là cần thiết đối với công tác quản lý, lãnh đạo phát triển KT - XH của cấp ủy, chính quyền từng tỉnh, thể hiện tính khoa học, khả thi và toàn diện, dễ hiểu, dễ thực hiện. Các chỉ tiêu đề xuất đều là chỉ tiêu thống kê chính thức do đó sẽ tiết kiệm chi phí về kinh phí và nhân lực trong quá trình áp dụng vào thực tiễn.

Đây là bộ chỉ tiêu tỉnh CNHĐ có sự tham gia của chỉ tiêu “*Tỷ lệ xã đạt tiêu chuẩn xã nông thôn mới*”, do đó sẽ đánh giá được đầy đủ, toàn diện hơn kết quả CNH, HĐH của một tỉnh; cũng lần đầu tiên chỉ tiêu “*Độ che phủ rừng*” được thay thế bằng chỉ tiêu “*Tỷ lệ diện tích đất lâm nghiệp có rừng so với tổng diện tích đất lâm nghiệp của tỉnh*” do đó sẽ phù hợp với tất cả các tỉnh dù quy mô diện tích tự nhiên, diện tích đất lâm nghiệp có sự khác nhau.

Bộ chỉ tiêu được gán điểm và trọng số tương ứng với mức độ quan trọng của từng nhóm, từng chỉ tiêu, cho phép đánh giá tổng hợp được trình độ CNH, HĐH chung của một tỉnh, từ đó cho phép so sánh tương quan về trình độ phát triển giữa các tỉnh tại cùng thời điểm.

Mục tiêu “trở thành tỉnh CNHĐ” hay “cơ bản trở thành tỉnh CNHĐ” thể hiện một quyết tâm chính trị mạnh mẽ của mỗi địa phương. Đạt được mục tiêu này hay không phụ thuộc vào những nỗ lực, hiệu quả hoạt động của cả hệ thống chính trị, các doanh nghiệp, nhà đầu tư, người dân và tác động của các chính sách vĩ mô của trung ương.

Song, quan trọng hơn hết vẫn là kết quả của việc giải bài toán kinh tế, bố trí nguồn lực “đầu vào” đúng nhu cầu, khả năng đáp ứng và kết quả “đầu ra”. Các chỉ tiêu cơ bản trên đây sẽ góp phần giúp các địa phương đánh giá đúng thực tế, biết được vị trí của tỉnh trên tiến trình CNH, HĐH và tương quan với các tỉnh bạn, trên cơ sở đó lãnh đạo tỉnh sẽ đưa ra được những quyết sách phù hợp và kịp thời, khắc phục được thách thức, tận dụng được cơ hội để sớm đạt được mục tiêu đề ra.

Bộ chỉ tiêu cơ bản của tỉnh CNHĐ trên đây mang tính động. Ngoài các chỉ tiêu chính, tùy theo điều kiện, khả năng của địa phương, các tỉnh có thể tính toán thêm các chỉ tiêu bổ sung cho đầy đủ và toàn diện hơn (như: Số thuê bao

Internet/dân số; tỷ trọng ngành công nghiệp chế tác trong GRDP; hệ số bất bình đẳng về thu nhập (GINI); tỷ lệ chất thải (rắn, lỏng, khí, sinh hoạt, công nghiệp, y tế) được xử lý; tỷ lệ chất thải rắn thông thường được xử lý đạt tiêu chuẩn; tỷ lệ chất thải nguy hại được xử lý đạt tiêu chuẩn; tỷ lệ chất thải y tế được xử lý đạt tiêu chuẩn,...). Sau một giai đoạn áp dụng, tùy thuộc tình hình thực tế, sự phát triển của khoa học công nghệ và khả năng thu thập thông tin của cấp tỉnh có thể điều chỉnh, tăng giảm số lượng chỉ tiêu cũng như giá trị của từng chỉ tiêu, trọng số của từng chỉ tiêu cho phù hợp với trình độ chung của cả nước, cũng như của thời đại.

Nguồn: Kết quả nghiên cứu Luận án Tiên sỹ.

